

Nhu cầu

Trong vòng 5 năm tới nhu cầu lao động tại TP.HCM tăng lên rất nhanh. Tổng số nhu cầu lao động từ 2001 – 2005 là 1.005.415 người. Đặc biệt là các ngành dịch vụ như: Thương nghiệp, khách sạn nhà hàng; vận tải, kho bãi, bưu điện; tài chính, tín dụng; khoa học công nghệ, kinh doanh tài sản... nhu cầu lao động lên tới 535.195 người, kể đến là các ngành công nghiệp chế biến, khai thác và xây dựng... 369.837 người, các ngành nông lâm thủy sản là 100.393 người.

**Bảng 1: Nhu cầu lao động
TP. Hồ Chí Minh 2001 – 2005**

Ngành nghề	Nhu cầu lao động
Nông lâm sản	82.006
Thủy sản	18.387
Công nghiệp khai thác	31.878
Công nghiệp chế biến	255.591
CNSX và phân phối điện nước	46.722
Xây dựng	35.646
Dịch vụ	535.195
Thương nghiệp	124.367
Khách sạn & nhà hàng	68.994
Vận tải, kho bãi, bưu điện	29.146
Tài chính, tín dụng	12.237
Khoa học công nghệ	15.551
Kinh doanh tài sản & tư vấn	23.478
Các hoạt động dịch vụ khác	261.422
Tổng cộng	1.005.415

Nguyên nhân chủ yếu là do tốc độ tăng trưởng của TP.HCM trong vòng 5 năm tới là khá cao, có khả năng tốc độ tăng GDP hằng năm đạt 10,5%. Cơ cấu GDP có xu hướng dịch chuyển dần sang các ngành công nghệ cao và các ngành thương mại dịch vụ. Mặt khác, do đòi hỏi của nền kinh tế, nhu cầu về lao động qua đào tạo là khá cao. Tổng số nhu cầu lao động qua đào tạo là 713.602 người. Điều đáng chú ý là nhu cầu về lao động được đào tạo sau đại học chiếm số lượng đáng kể lên đến 10.246 người. Nhu cầu về công nhân kỹ thuật và nhân viên nghiệp vụ vẫn chiếm chủ yếu, ít nhất là trong vòng 5 năm tới là 552.424 người; nhu cầu lao động về trung cấp

THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG TP. HỒ CHÍ MINH 2001 - 2005

TS. NGUYỄN THUẦN

chuyên nghiệp là 79.444 người, nhu cầu về lao động có trình độ cao đẳng đại học là 71.488 người.

Bức tranh về thị trường lao động TP. Hồ Chí Minh có vẻ sáng sủa hơn khi các dự báo về tỷ lệ thất nghiệp liên tục giảm:

**Bảng 2: Dự báo tỷ lệ thất nghiệp
TP. Hồ Chí Minh 2001-2005 (%)**

Năm	Tỷ lệ thất nghiệp
2001	6,7
2002	6,5
2003	6,3
2004	6,1
2005	6,0

Nghịch lý

Tuy nhiên theo chúng tôi, những bất ổn và nghịch lý của thị trường lao động của TP.HCM biểu hiện trong những năm trước đây vẫn còn tồn tại, thậm chí còn khá gay gắt trong những

sinh viên tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học. Theo số liệu điều tra riêng của chúng tôi (tính toán từ số liệu sinh viên học sinh đăng ký tìm việc tại Trung tâm dịch vụ việc làm SV – HS), số sinh viên, học sinh ra trường tìm việc làm sau 3 tháng mà vẫn chưa tìm được việc làm đối với trình độ cao đẳng, đại học lên tới 42%; đối với trình độ trung cấp là 28% trong tổng số sinh viên ra trường có đi tìm việc. Điều trớ trêu là có những sinh viên vừa mới tốt nghiệp, họ lại tiếp tục học thêm một nghiệp vụ bổ sung nào đó, hoặc chuyển sang học thêm một ngành khác mà thị trường lao động đang đòi hỏi, trong thời gian chờ đợi xin việc. Trong khi đó các doanh nghiệp lại rất khó khăn trong việc tuyển dụng lao động.

Các doanh nghiệp ở TP.HCM đã nhiều lần lên tiếng về việc tuyển dụng lao động hết sức khó khăn của họ. Có nhiều chức danh sau nhiều tháng vẫn đăng báo, nhờ các trung tâm dịch vụ việc làm tìm kiếm vẫn không tìm được.

Bảng 3: Nhu cầu lao động TP.HCM theo trình độ chuyên môn nghiệp vụ 2001 – 2005

Ngành	2001 – 2005				
	CNKT, NVNV	TCCN	CĐ, ĐH	Sau ĐH	Tổng cộng
Nông, lâm, thủy	51.123	4.005	3.895	214	59.237
CN và XD	181.615	30.145	45.344	5.014	262.118
Các ngành dịch vụ	319.686	45.294	22.249	5.018	392.247
Tổng cộng	552.424	79.444	71.488	10.246	713.602

năm tới. Đó là vừa xảy ra tình trạng thất nghiệp cao, vừa xảy ra tình trạng khan hiếm lao động trên thị trường lao động.

Có thể lấy thí dụ ở TP.HCM, trong những năm trước đây, tỷ lệ thất nghiệp ở đây khá cao 6 – 7%, có lúc lên đến 9 – 11%. Tỷ lệ thất nghiệp cao này hiện diện ở khắp nơi, ngay cả đối với những người được gọi là có trình độ cao, những

Đó là các chức danh, vị trí như giám đốc nhân sự; giám đốc tài chính; các chức danh tổng quản lý, điều hành các chương trình, các dự án; giáo viên dạy nghề... Các nghề, nghiệp vụ như: thiết kế quảng cáo, nghiên cứu thị trường, thiết kế mẫu, đầu bếp... Dường như việc tìm kiếm cử nhân kinh tế, quản trị kinh doanh hiểu biết về luật pháp kinh

tế, soạn thảo được các hợp đồng kinh tế, hợp đồng thương mại... cử nhân luật hiểu căn cứ cách tính thuế của các luật thuế, cách tính tiền lương, phụ cấp trong luật lao động... kỹ sư kỹ thuật, công nghệ hiểu biết rõ ràng các quy định về môi trường, đọc được các tài liệu kỹ thuật nước ngoài... ngày trở nên hiếm hoi, khó khăn vô cùng. Đó lại là một bằng chứng khác về sự nghẹt lý của thị trường lao động TP.HCM.

Theo chúng tôi, với tốc độ tăng trưởng kinh tế dự kiến 10,5%/năm (thể hiện bằng chỉ tiêu tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội GDP) trong vòng 5 năm tới, tốc độ tăng lực lượng lao động khoảng 3,5% năm. Hệ số co dân lao động khoảng 0,3. Điều đó có nghĩa là việc tạo ra trên 142 ngàn việc làm mới hằng năm không phải là điều đáng lo ngại.

Theo dự báo của Sở lao động thương binh và xã hội TP.HCM, nhu cầu lao động trên địa bàn TP.HCM từ nay đến 2005 là 713.602 lao động chủ yếu là công nhân kỹ thuật và nhân viên nghiệp vụ chiếm 77,41% trong tổng số lao động qua đào tạo, sau đó trung cấp là 11,13% và trình độ cao đẳng đại học là 10%. Trong khi đó số người trong độ tuổi lao động ở TP.HCM tăng trung bình hằng năm 3,68% tức chỉ khoảng 142 ngàn người. Tuy nhiên, cũng theo dự báo của Sở lao động thương binh và xã hội TP.HCM số lượng người thất nghiệp ở TP.HCM vẫn ở mức cao, trung bình là 6,3% hằng năm, khoảng 248 ngàn người. Điều đó có nghĩa là vẫn còn tồn

tại nhiều bất cập trong việc đào tạo và tuyển dụng lao động trên địa bàn TP.HCM. Mặc dù số lượng người thất nghiệp vẫn ở mức cao, nhưng việc tuyển dụng lao động của các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn TP.HCM vẫn còn hết sức khó khăn trong vòng 5 năm tới.

Như vậy, theo chúng tôi tình trạng thất nghiệp hiện nay và đến 2005 ở thành phố HCM không hẳn là thất nghiệp tổng thể do mất cân đối giữa cung và cầu lao động trong toàn bộ nền kinh tế mà chủ yếu là thất nghiệp cơ cấu, nghĩa là do sự mất cân đối cục bộ về ngành nghề đào tạo, về nội dung và chất lượng đào tạo, về sự thích ứng của người lao động trên thị trường lao động...

Để giảm thất nghiệp

Vì vậy, vấn đề giảm tỷ lệ thất nghiệp trong nền kinh tế, không chỉ là tạo ra việc làm mới mà điều đáng quan tâm hơn, trước mắt là phải thu hẹp dần khoảng cách giữa yêu cầu thực tế, sinh động và đa dạng của thị trường lao động với khả năng đáp ứng thiếu thực tế, cứng nhắc và đơn điệu của hệ thống đào tạo và dạy nghề ở Việt Nam hiện nay. Để làm được điều đó, không chỉ trông chờ vào các cơ quan quản lý đào tạo và dạy nghề mà cần có sự hỗ trợ đặc lực từ phía các nhà doanh nghiệp và toàn xã hội nhằm thực hiện tốt các vấn đề cơ bản sau:

1. Hệ thống giáo dục đào tạo và dạy nghề cần nhạy bén, thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động về việc

phát sinh, phát triển những ngành nghề mới; cập nhật nhanh chóng chương trình, nội dung đào tạo phù hợp với thực tiễn.

2. Cần khuyến khích mở rộng các loại hình trường dạy nghề: công lập, dân lập, tư nhân. Đặc biệt chú ý đến loại hình đào tạo tại các doanh nghiệp.

3. Cần phải xây dựng, phát triển các trung tâm tư vấn việc làm, nghề nghiệp cho sinh viên học sinh để làm cầu nối giữa các nhà doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng với các nhà quản lý đào tạo và dạy nghề, nhằm rút ngắn khoảng cách giữa nội dung chương trình giảng dạy và yêu cầu của thực tiễn, giữa người học, người dạy và người tuyển dụng.

4. Phải có mối quan hệ chặt chẽ giữa các nhà quản lý đào tạo, nhà đào tạo, các doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng trong việc xây dựng chương trình, nội dung đào tạo, trong việc tạo điều kiện thực tập cho sinh viên học sinh, vấn đề học bổng cho sinh viên học sinh. Việc đóng góp xây dựng chương trình nội dung đào tạo; hỗ trợ cho mạng lưới đào tạo, dạy nghề, hỗ trợ sinh viên học sinh không chỉ là quyền lợi mà còn là nghĩa vụ của các nhà doanh nghiệp.

5. Tất cả các vấn đề nêu trên không chỉ dừng lại ở những nỗ lực riêng lẻ ở một số trường hay số doanh nghiệp, mà cần phải thống nhất ở diện rộng, mang tính pháp lý cao thể hiện ở những văn bản pháp luật thể hiện ý chí và quyết tâm của Chính phủ và của toàn xã hội ■



Ảnh Hoàng Tuấn